

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/ HNGĐ - ST
Ngày 24/09/2025

*“V/v: ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hà Giang
2. Bà Lê Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Khánh Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2025/TLST – HNGĐ ngày 29/05/2025 (của TAND huyện Y) về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/08/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số /2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/09/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 19/02/1995; Căn cước công dân số: 0371950016xx; địa chỉ cư trú: xóm I, xã K, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn:* anh Mai Chiến C, sinh năm 1995. Căn cước công dân số: 3070950047xx; địa chỉ cư trú: xóm I, xã K, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa có mặt chị T, anh D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/04/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị và anh Mai Chiến C kết hôn tự nguyện, có đăng ký UBND xã K vào ngày

30/9/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh C tại xóm I, xã K, tỉnh Ninh Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu là do anh C thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến gia đình, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi. Cuộc sống kinh tế gia đình ngày một khó khăn, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau.

Do cuộc sống không hạnh phúc tháng 6 năm 2024 chị đã về nhà mẹ đẻ sống ly thân anh C và làm đơn yêu cầu Tòa án huyện Y cũ giải quyết việc ly hôn; được sự phân tích của Tòa án và anh C hứa sửa chữa, chị đã rút đơn yêu cầu để vợ chồng về đoàn tụ, con cái được sống trong gia đình hoàn chỉnh; nhưng sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết, vợ chồng về chung sống thì anh C không thay đổi lối sống như đã hứa. Mâu thuẫn không giải quyết được nên đến 13/4/2025 chị lại về nhà mẹ đẻ ở, sống ly thân với anh C. Từ khi sống ly thân chị và anh C không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C chỉ có ba con chung là cháu Mai Minh Q sinh ngày 25/06/2015, cháu Mai Ngọc H sinh ngày 25/5/2013. Hiện hai cháu đang do anh C nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị đề nghị giao cả hai con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chị đã được Tòa án giải thích cho chị việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng chị vẫn không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 18/07/2025 bị đơn anh Mai Chiến Công trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, những năm đầu chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì, năm 2024 chị T tự làm đơn ly hôn, sau đó đó một thời gian quay về đoàn tụ. Nay chị T tiếp tục yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, tùy chị T muốn giải quyết như thế nào là việc của chị T

Về con chung: anh C cũng xác định vợ chồng chỉ có hai con chung là cháu Mai Minh Q sinh ngày 25/06/2015, cháu Mai Ngọc H sinh ngày 25/5/2013. Hiện hai cháu đang do anh nuôi dưỡng. Anh không ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung, hai con phải ở cùng anh vì từ khi chị T bỏ đi các con vẫn ở cùng anh. Anh cũng không đồng ý cho Tòa án hỏi ý kiến nguyện vọng của các con chung

Về tài sản: anh xác định không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tố tụng:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội

đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hồng đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian.

- Các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, có mặt đầy đủ để làm việc và trình bày quan điểm của mình.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H1. Xử chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Mai Chiến C.

- Về con chung: Giao con chung Mai Ngọc H sinh ngày 25/5/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc giáo dục; giao con chung Mai Minh Q sinh ngày 25/06/2015 cho anh M Chiến Công trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung thành niên, tự lập; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh M Chiến Công không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh M Chiến Công có địa chỉ cư trú tại xóm I, xã K, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình).

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Mai Chiến C là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh D cố tình không đến Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án là vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Mai Chiến C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Mai Chiến C.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Mai Chiến C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/2014 tại UBND xã K, tỉnh Ninh Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị T và anh C sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị T thì nguyên nhân chính là do anh C chơi bời thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến gia đình, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi. Cuộc sống kinh tế gia đình ngày một khó khăn, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau.

Do cuộc sống không hạnh phúc tháng 6 năm 2024 chị đã về nhà mẹ đẻ sống ly thân anh C và làm đơn yêu cầu Tòa án huyện Y cũ giải quyết việc ly hôn; được sự phân tích của Tòa án và anh C hứa sửa chữa, chị đã rút đơn yêu cầu để vợ chồng về đoàn tụ, con cái được sống trong gia đình hoàn chỉnh; nhưng sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết, vợ chồng về chung sống thì anh C không thay đổi lối sống như đã hứa

Về phía anh C không có ý kiến gì về nguyên nhân mâu thuẫn mà chị T đưa ra, mà cho biết thời gian đầu vợ chồng hòa thuận; đến năm 2024 chị T tự làm đơn ly hôn, sau đó đó một thời gian lại quay về đoàn tụ. Nay chị T tiếp tục yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, tùy chị T muốn giải quyết như thế nào là việc của chị T.

Tại biên bản xác minh ngày 18/07/2025, đại diện chính quyền địa phương cung cấp: anh C và chị T kết hôn hợp pháp và về sinh sống tại xóm, xã K cùng nhà bố mẹ anh C. Quá trình chung sống vợ chồng anh C có mâu thuẫn như thế nào, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được, cụ thể do không có yêu cầu hòa giải; thực tế thì giữa năm 2024 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở thị trấn Y cũ một thời gian, hiện nay vợ chồng anh C sống ly thân, khả năng đoàn tụ là rất khó, việc chị T yêu cầu giải quyết việc ly hôn thì Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết.

Chứng cứ chị T cung cấp là quyết định đình chỉ số 05/QĐST- HNGĐ ngày 14/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Y đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Mai Chiến C, lý do đình chỉ chị Nguyễn Thị T rút đơn khởi kiện; cho thấy chị T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Y trước đây đã giải quyết việc ly hôn của vợ chồng.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử thấy mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn hai bên trình bày có khác nhau, nhưng có đủ căn cứ xác định vợ chồng anh C và chị T có thời gian sống ly thân từ giữa năm 2024 cho đến cuối năm 2024 sau một thời gian ngắn đoàn tụ lại tiếp tục sống ly thân; chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu, không còn khả năng khắc phục, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau; chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T và anh C đều xác định hai người đã tiếp tục sống ly thân từ tháng 4/2025 cho đến nay. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T cần chấp nhận, cho chị T được ly hôn với anh M Chiến Công là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Anh M Chiến Công và chị Nguyễn Thị T có hai con chung là cháu Mai Ngọc H sinh ngày 25/5/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc giáo dục; giao con chung Mai Minh Q sinh ngày 25/06/2015 cho anh M Chiến Công.

Khi ly hôn cả anh Mai Chiến C và chị Nguyễn Thị T đều có nguyện vọng nếu ly hôn xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án đã yêu cầu cả anh C và chị T cung cấp chứng cứ chứng minh đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tốt hơn mà không cần phải có sự cấp dưỡng nuôi con chung của bên kia nhưng cả hai anh chị không thực hiện, không cung cấp được.

Tại biên bản xác minh ngày 18/07/2025 đại diện xóm I, xã K cung cấp hiện anh C đang làm công việc lái xe thuê, chị T đang làm công nhân, điều kiện kinh tế là ngang nhau, tuy nhiên công việc của anh C giờ giấc không ổn định, thường xuyên vắng nhà nên điều kiện chăm sóc con chung khó hơn chị T. Nguyện vọng của cháu Q muốn ở với mẹ còn cháu H muốn ở với bố.

Con chung của hai anh chị là Mai Minh Q và Mai Ngọc H thuộc trường hợp phải hỏi ý kiến thì cháu Q có quan điểm xin được ở với bố còn cháu H xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình thường của các cháu, hạn chế thấp nhất đến việc xáo trộn về tâm sinh lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn, cháu H còn nhỏ lại là con gái cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Do đó về việc nuôi con chung cần giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Ngọc H; giao cháu Mai Minh Q cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đảm bảo được nguyện vọng và quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Nguyễn Thị T và anh Mai Chiến C và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T và anh C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyễn Thị T và anh Mai Chiến C không đề nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Mai Chiến C.

2. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh M Chiến Công.

3. Về con chung: Giao cháu Mai Ngọc H ngày 25/5/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Giao cháu Mai Minh Q ngày 25/6/2013 cho anh Mai Chiến Công trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Nguyễn Thị T và anh Mai Chiến C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001212 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - tỉnh Ninh Bình).

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Mai Chiến C vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình .
- UBND xã L.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh